TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2023/DS-PT
Ngày: 05 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 785/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Trương Ngọc S (có mặt);

Địa chỉ: Số 67/28E Phó Cơ Điều, Phường 4, thành phố V, Tỉnh Vĩnh Long.

(Giấy ủy quyền ngày 04/5/2023 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Chiến)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: 2527 West, CrimSon ct, Salt Lake City, Utah, 84129 USA.

Địa chỉ tại Việt Nam: Số 95B, tổ 8, ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là:

1. Ông Trần Hồ N, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 112A, đường V1, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Hứa Quốc P, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 6B, xã V2, huyện V3, tỉnh Vĩnh Long.

(Giấy ủy quyền ngày 28/02/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Trường Thống)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là:

1. Luật sư Nguyễn Thị Thùy C - Văn phòng Luật sư Thanh Châu - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt);

2. Luật sư Nguyễn Thành D, Luật sư Công ty Luật TNHH Pháp Lý Việt, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thùy G, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thùy G là: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Hứa Quốc P, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 6B, xã V2, huyện V3, tỉnh Vĩnh Long.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Nguyễn Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2022, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 20/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2012 con gái bà T tên Nguyễn Thị Thùy G, sinh năm 1994 có quen biết và dự định tiến tới hôn nhân với ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1957 (là việt kiều Mỹ). Trong thời gian có tình cảm với con gái bà T, ông U nhờ bà T

tìm mua đất để cất nhà ở ổn định tại Vĩnh Long. Bà T tìm được đất và đứng ra thỏa thuận giá xong thì người bán làm thủ tục chuyển nhượng cho ông U đứng tên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long, trên đất có dãy nhà trọ phía sau cho thuê. Ông U nói với mẹ con bà T là sẽ cất nhà loại biệt thự, cải tạo lại dãy nhà trọ để làm nơi chung sống vợ chồng với con gái bà T về sau, nghe vậy bà T cũng đồng ý và nói sẽ phụ giúp việc xây dựng nhà trong thời gian ông U không có mặt tại Việt Nam.

Việc xây dựng nhà tiến hành từ tháng 12/2016 đến tháng 9/2018 mới hoàn thành. Trong thời gian xây nhà ông U thường xuyên ở Mỹ nên bà T đứng ra lo liệu mọi việc, khi nguồn tiền xây nhà bị thiếu hụt do ông U không gửi tiền về thì bà T có nói với ông U là bà sẽ tự chi trả tiền của bà để mua các loại vật tư xây dựng hoàn thành căn nhà, khi nào ông U về Việt Nam thì trả lại cho bà, ông U đồng ý như vậy nên bà T đã đầu tư số tiền rất lớn vào việc xây dựng căn nhà cùng những công trình khác trên thửa đất số 53 do ông U đứng tên. Ngoài ra, việc ông U không gửi tiền về kịp thời dẫn đến công trình bị chậm, thầu xây dựng bỏ đi làm công trình khác, bà T phải thuê thầu xây dựng khác làm tiếp tục mới xong căn nhà.

Sau khi tổng kết lại chi phí xây dựng căn nhà ông U chi ra số tiền 50.000 USD, số tiền này bà T nhận qua dịch vụ chuyển tiền vào năm 2017. Quy đổi theo tỷ giá tiền VNĐ thời điểm đó là 1.135.500.000 đồng. Bà T đã chi ra tổng số tiền 4.490.791.000 đồng (thể hiện qua các chứng từ mua vật tư, công thợ có xác nhận). Như vậy, đối trừ vào số tiền bà T đã nhận của ông U 50.000 USD quy đổi theo tỷ giá tiền VNĐ thời điểm đó là 1.135.500.000 đồng, thì ông U còn nợ bà T số tiền là: 3.355.291.000 đồng (ba tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Đến đầu năm 2019 con gái bà T phát hiện ông U về Việt Nam nhưng lại kết hôn với người phụ nữ khác ở tỉnh Bến Tre, đồng thời người thân của ông U còn cho con gái bà T biết là ông U đã có vợ bên Mỹ. Nhận thấy bị lừa gạt tình cảm nên con gái bà T không đồng ý tiếp tục mối quan hệ tình cảm với ông U nữa. Ông U đã đuổi mẹ con bà T ra khỏi căn nhà mới xây trên thửa đất số 53. Thời gian đó, bà T nhiều lần yêu cầu ông U trả lại số tiền mà bà đã đầu tư để xây dựng căn nhà, nhưng ông U cố tình né tránh không trả. Do ông U ít khi ở Việt Nam và dịch bệnh Covid19 bùng phát suốt 02 năm qua nên bà T chưa khởi kiện ông U được. Hiện nay bà T phát hiện ông U đã về Việt Nam và đang tạm trú, sinh sống tại căn nhà bà đã đứng ra xây dựng trên thửa đất số 53, địa chỉ: Số 95B, tổ 8, ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Trước đây khi xây dựng nhà thì bà T có xuất tiền ra 20.000.000 đồng để cho ông Hứa Quốc P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 6B, xã V2, huyện V3, tỉnh

Vĩnh Long là cháu của ông U mượn và ông U bán 02 máy cưa của bà T mua cho thợ thi công xây dựng căn nhà cùng những công trình khác trên thửa đất số 53 của ông U. Nên khi đuổi mẹ con bà T ra khỏi nhà thì ông U chỉ trả lại cho bà T 20.000.000 đồng tiền bà T cho ông P cháu ông U mượn và tiền ông U bán 02 máy cưa của bà T 17.000.000 đồng. Tổng cộng là 37.000.000 đồng nên bà T có ký tờ cam kết ngày 03/3/2019 thể hiện ông U trả tiền thay cho ông P và tiền bán 02 máy cưa tổng cộng là 37.000.000 đồng. Còn số tiền bà T bỏ ra trả vật liệu và công thợ xây dựng căn nhà 3.355.291.000 đồng (ba tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng) ông U chưa trả. Để có tiền trả khi xây dựng căn nhà do ông U không gửi tiền cho bà T, bà T thế chấp nhà và đất tại Vincom Vĩnh Long do con bà là bà Nguyễn Thị Thùy G đứng tên giùm bà vay vốn tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Vĩnh Long số tiền 1.890.264.456 đồng, sau đó do không đủ tiền trả công thợ và vật liệu xây dựng nên bà phải bán căn nhà tại Vincom Vĩnh Long số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ, ba trăm triệu đồng) bà dùng toàn bộ số tiền này để trả công thợ và vật liệu xây dựng căn nhà trên thửa đất số 53 của ông U, trước đây mang tên nhà trọ Trúc Giang nay đổi lại là nhà nghỉ Nguyễn Phi.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn U trả cho bà T số tiền: 3.355.291.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng), mà bà T đã trả để xây dựng căn nhà và những công trình khác trên thửa đất số 53, tọa lạc số 95B, tổ 8, ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2022 của bị đơn ông Nguyễn Văn U và các lời khai tiếp theo ông Trần Hồ N đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn U trình bày:

Vào năm 2012 ông U quen biết và chung sống với con gái của bà T là bà Nguyễn Thị Thùy G. Sau khi quen biết bà G, ông U dự định về sinh sống ổn định tại Vĩnh Long. Nguồn gốc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long trên đất có dãy nhà trọ phía sau là do ông Cường làm môi giới nhà đất giới thiệu cho ông U mua, hiện nay ông U không biết ông Cường ở đâu. Thửa đất này do ông U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó đến tháng 12 năm 2016 ông U bắt đầu xây dựng căn nhà một trệt một lầu tại nhà trọ Trúc Giang địa chỉ cũ số 79A, ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long nay được đổi tên lại là nhà nghỉ Nguyễn Phi địa chỉ mới số 95B, ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long. Khi xây dựng căn nhà ông U giao cho bà T quản lý trông coi việc xây dựng, ông U là người trực tiếp trả tiền công thợ và vật liệu xây dựng khi có mặt tại Việt Nam. Khi về Mỹ ông U giao tiền cho bà T đứng ra trả giùm. Ông U xây dựng căn nhà từ tháng 12 năm 2016 đến

cuối năm 2018 mới xong phần thô của căn nhà. Bà T được ở vị trí đất xây dựng căn nhà để trông coi việc thi công là do ông quen với con gái bà T, mẹ con bà T không có nhà ở nên ông U cho vào ở trông coi thu tiền nhà trọ trang trải cuộc sống hàng ngày, ông U không phải trả lương, ngược lại bà T phải trông coi việc xây dựng căn nhà cho ông U. Tổng số tiền xây dựng căn nhà khoảng 4.200.000.000 đồng, tương đương 200.000 USD (đô la Mỹ). Tổng số tiền ông U đứng ra trực tiếp trả công thợ, vật tư là bao nhiêu không nhớ. Tổng số tiền ông U giao cho bà T đứng ra trực tiếp trả công thợ, vật tư là bao nhiêu không nhớ. Ông U chỉ đưa tiền trực tiếp cho bà T trả công thợ, vật tư không có làm biên nhận. Tổng số tiền xây dựng căn nhà là của ông U chi trả nên ông U không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Sau đó, ông U phát hiện bà G quen với người đàn ông khác nên ông U chia tay với bà G và đuổi mẹ con bà T, bà G ra khỏi nhà. Trước đó ông Hứa Quốc P là cháu của ông U có mượn của bà G 20.000.000 đồng và ông U bán 02 máy cưa của bà T mua cho thợ thi công xây dựng căn nhà của ông U với số tiền 17.000.000 đồng. Nên bà T yêu cầu ông U trả thay cho ông P 20.000.000 đồng và tiền bán 02 máy cưa là 17.000.000 đồng. Tổng cộng chung là 37.000.000 đồng ông U trả đủ cho bà T có làm tờ cam kết ngày 03/3/2019 bà T không còn tranh chấp, khiếu nại đối với nhà ở và nhà trọ của ông U. Đối với số tiền ông U trả thay cho ông P, ông U không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Quốc P trình bày:

Số tiền 20.000.000 đồng ông U trả thay cho ông do bà T nhận là số tiền mà trước đó ông mượn của bà G chứ không phải mượn của bà T, nhưng khi trả ông U yêu cầu bà T viết biên nhận cộng chung với số tiền 17.000.000 đồng mà ông U bán 02 máy cưa. Nên tổng cộng theo biên nhận là 37.000.000 đồng. Ông P không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy G trình bày:

Bà G thừa nhận trước đây giữa bà và ông U có mối quan hệ tình cảm chung sống như vợ chồng đúng như bà T và ông U trình bày. Căn nhà ở Vincom Vĩnh Long thuộc quyền sở hữu của mẹ bà tên Nguyễn Thị T, bà là người đứng tên giùm. Sau đó bà thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 1.890.264.456 đồng mục đích để bà T trả tiền vật tư xây dựng căn nhà tại nhà trọ Trúc Giang nay là nhà nghỉ Nguyễn Phi. Đến năm 2018 bà T bán căn nhà thế chấp với giá 3.300.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng và trả tiền công thợ, vật tư xây dựng căn nhà tại nhà trọ Trúc Giang nay là nhà nghỉ Nguyễn Phi tại địa chỉ hiện nay số 95B, ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long. Số tiền 20.000.000 đồng ông P mượn của bà T chứ không phải mượn của bà. Ông U đã

trả cho bà T thay cho ông P số tiền 20.000.000 đồng xong. Bà G không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị T số tiền 3.355.291.000 đồng (ba tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 29/QĐ-VKS-DS về việc kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; vì: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ về giá trị căn nhà, chưa đối chất làm rõ một số chứng từ chi phí xây dựng căn nhà, cũng như cam kết của nguyên đơn về việc thanh toán hợp đồng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Ngày 21/02/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn ông Nguyễn Văn U, có người đại diện theo ủy quyền là ông Hứa Quốc P, cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Thị Thùy C, Luật sư Nguyễn Thành D thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với các lý do:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp các hóa đơn bán lẻ của cửa hàng Vật liệu xây dựng Thái Bảo là giấy tờ khống (có sự xác nhận của chủ cửa hàng bà Nguyễn Thị Thanh T1), có sự chênh lệch tiền hàng, những biên nhận thanh toán vật tư, công thợ là viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là những chứng cứ không được xác thực, không

đủ cơ sở pháp lý. Năm 2018, bà T còn xây một nhà trọ khác ở huyện A, khoảng hơn 1.000.000.000 đồng, thời điểm đó trùng với thời điểm xây nhà của ông U, như vậy những hóa đơn chứng từ bà T cung cấp cho Tòa án chưa đủ cơ sở xác định là những hóa đơn xây nhà của ông U, hơn nữa cùng lúc xây dựng hai nhà trọ thì nguồn tiền từ đâu có mà bà T có thể chi trả xây dựng. Bên cạnh đó, nguyên đơn không chứng minh được nguồn tiền chi trả về vật tư xây dựng nhà cho ông U. Việc mua căn hộ Vincom là sau thời điểm xây dựng nhà của ông U và bán căn hộ trên khi đã hoàn thành việc thanh toán nợ xây nhà, nên việc bà T cho rằng việc thế chấp căn hộ để vay tiền và bán căn hộ để trả chi phí xây dựng cho ông U là không có căn cứ.

Tháng 3/2019 bà T đòi ông U số tiền 37.000.000 đồng, bao gồm số tiền vay 20.000.000 đồng và 17.000.000 đồng tiền máy cưa. Sau khi nhận số tiền 37.000.000 đồng, bà T là người biết đọc biết viết, hiểu rõ và chịu trách nhiệm, đã ký "Tờ cam kết ngày 03/3/2019" xác nhận không còn tranh chấp nhà ở, nhà trọ với ông U. Mặt khác, số tiền 3.355.291.000 đồng có giá trị lớn nhưng giữa bà T và ông U không hề có biên nhận.

Tại cấp sơ thẩm, ông U đã cung cấp các vé máy bay điện tử chứng minh năm 2019 ông U có về Việt Nam, khi xảy ra tranh chấp bà T không khởi kiện, đến ngày 26/7/2022 bà T mới khởi kiện.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Nguyễn Thị Thùy G, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Ngọc S thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì: Các hóa đơn bán lẻ của Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo khẳng định không phải giả mạo. Với sự xác nhận của bà Nguyễn Thị Thanh T1 là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo, bà T có xin hóa đơn trống của cửa hàng, để điền nội dung vào các hóa đơn này. Việc ghi lại là dựa theo sổ sách ghi chép của bà T, có thể do cách hiểu ghi chép khác nhau nhưng số liệu thanh toán là chính xác, bà Trúc có nhận tiền từ bà T. Số tiền 37.000.000 đồng mà bà T nhận theo Tờ cam kết ngày 03/3/2019 bao gồm tiền ông P mượn và tiền ông U bán máy cưa, không liên quan đến số tiền bà T đã chi trả vật liệu, công thợ để xây dựng căn nhà của ông U. Còn việc bà T cam kết không tranh chấp, được hiểu là đứng tên nhà trọ Trúc Giang, xác định không liên quan đến nhà trọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 29/QĐ-VKS-DS ngày 24/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long

Thứ nhất, các bên không thống nhất về giá trị xây dựng của căn nhà, có sự chênh lệch về chi phí trong chứng từ chi phí xây dựng do nguyên đơn cung cấp nhưng chưa được đối chất làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa định giá căn nhà để xác định chính xác giá trị làm căn cứ giải quyết vụ án.

Thứ hai, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện:

Bà T và ông U đều thừa nhận, ông U có nhờ bà T đứng ra trông coi việc xây dựng căn nhà đang tranh chấp do ông Nguyễn Văn U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà xây từ tháng 12/2016 đến cuối năm 2018 thì hoàn thành. Việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc xây dựng nhà là thỏa thuận miệng.

Bà T cho rằng trong quá trình thi công do ông U không gửi tiền về nên bà T phải bán căn nhà ở Vincom do bà G đứng tên giùm bà để trả tiền vật tư hoàn thành căn nhà cho ông U. Tổng số tiền bỏ xây dựng nhà là 4.490.791.000 đồng, bà đã nhận từ ông U là 50.000 USD (tương đương 1.135.500.000 đồng), ông U còn nợ bà là 3.355.291.000 đồng. Ông U xác định số tiền xây nhà là khoảng 4.200.000.000 đồng, ông đã giao đủ tiền cho bà T, không nợ bà T. Vào ngày 03/3/2019, bà T đã ký cam kết với ông U về việc không còn tranh chấp gì với nhà ở, nhà trọ của ông U, đã nhận đủ tiền và xin cam kết kể từ nay không tranh chấp hoặc khiếu nại nữa. Nên việc bà T cho rằng đã nhiều lần đòi tiền mà ông U không trả và do ông U không có ở Việt Nam nên không khởi kiện yêu cầu trả tiền là không có căn cứ vì chính bà T thừa nhận hàng năm ông U về Việt Nam từ 02 đến 03 lần. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ việc xuất nhập cảnh của ông U trong khoảng thời gian từ khi xây nhà cho đến thời điểm bà T khởi kiện là ngày 10/10/2022.

Mặt khác, bà T cho rằng nguồn tiền bỏ ra xây dựng nhà cho ông U là do bà bán căn hộ PG3-17 Vincom do bà Nguyễn Thị Thùy G đứng tên giùm bà. Nhưng các chứng từ mua nguyên vật liệu, chi phí xây dựng do nguyên đơn cung cấp phát sinh chủ yếu vào năm 2016, năm 2017 và công trình xây dựng đã hoàn thành từ tháng 9/2018 các bên không còn nợ chi phí xây dựng. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện ngày 20/7/2017 bà G với công ty cổ phần Vincom retail mới giao kết hợp đồng mua bán nhà ở căn hộ số PG3-17. Đến ngày 16/9/2017 bà G đã ký kết hợp đồng thế chấp để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Thịnh Vượng số tiền là 1.890.264.456đ thời hạn vay là 300 tháng. Đến ngày 07/6/2019 bà G đã ký hợp đồng chuyển nhượng căn hộ trên cho bà Huỳnh Thị Mai. Như vậy việc mua căn hộ trên là sau thời điểm xây dựng và bán căn hộ trên khi đã hoàn thành việc thanh toán nợ xây nhà, nên việc bà T cho rằng việc thế chấp căn hộ PG3-17 Vincom để vay tiền và bán căn hộ để trả chi phí xây dựng cho ông U là không có căn cứ.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn U:

Ông U cho rằng không nợ bà T và không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông U cho rằng nhà ông xây dựng nhà khoảng 4.200.000.000 đồng, nhưng ông U không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên việc căn nhà đã xây xong từ năm 2019, ông U có mặt tại Việt Nam nhưng tới tháng 10/2022 bà T mới khởi kiện đòi ông U phải trả tiền cho bà, trong khi trước đó vào ngày 03/3/2019 bà T đã ký vào bản cam kết. Bà T không chứng minh được nguồn tiền bà dùng để chi trả việc xây dựng nhà mà Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai một phía của bà T để buộc ông U phải trả số tiền 3.355.291.000 đồng là không khách quan và gây thiệt hại đến quyền về tài sản của bị đơn. Kháng cáo của ông U có nội dung như hướng phân tích trên nên có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và kháng cáo của bị đơn:

[1] Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến cuối năm 2018, do ông Nguyễn Văn U thường xuyên ở Mỹ, bà Nguyễn Thị T đã phụ giúp ông U xây dựng căn nhà tại địa chỉ số 79A (nay là số 95B), ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bà T khai nhận bà là người chi trả tiền vật liệu, công thợ để xây nhà của ông U, tổng số tiền là 4.490.791.000 đồng. Trong đó, số tiền bà đã nhận của ông U là 50.000 USD, tương đương 1.135.500.000 đồng; số tiền còn lại là 3.355.291.000 đồng do bà ứng tiền của bà để thanh toán. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà đã nộp các hóa đơn bán lẻ của Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái

Bảo, biên bản giao tiền về việc mua bán vật tư, về chi phí trả công cho thợ, thể hiện cụ thể từng loại hàng và số tiền mua bán. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2023 (Bút lục 298, 299), "Tờ tường trình" đề ngày 01/6/2023 (do nguyên đơn nộp ở cấp phúc thẩm), bà Nguyễn Thị Thanh T1 là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo xác định bà T là người trực tiếp trả tiền mua vật liệu xây dựng, ông U chưa từng thanh toán tiền cho bà.

[1.3] Ông U cho rằng tổng số tiền xây dựng căn nhà khoảng 4.200.000.000 đồng, tương đương 200.000 USD. Trước đó, ông U ở nước ngoài đã gửi tiền về Việt Nam cho bà T nhưng không có chứng minh việc chuyển tiền và không nhớ số tiền bao nhiêu. Để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, phía bị đơn nộp Bản tự khai ngày 18/5/2023 của bà Nguyễn Thị Thanh T1 xác nhận cung cấp vật tư cho các công trình tại nhà trọ Trúc Giang, bà T có đến cửa hàng xin các hóa đơn trống, nhưng chữ ký trên hóa đơn là của bà Trúc. Bị đơn đã nộp các hóa đơn thanh toán đều thể hiện người mua hàng là bà T - nhà trọ Trúc Giang, chỉ có 01 hóa đơn của Vật liệu xây dựng & trang trí nội thất Đinh Quốc Thái thể hiện người mua hàng là chú U.

[1.4] Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tổng chi phí xây dựng căn nhà là 4.200.000.000 (bốn tỷ hai trăm triệu) đồng, số tiền bà T đã nhận của ông U là 1.135.500.000 (một tỷ một trăm triệu ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

[2] Tại cấp phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Thành D có đơn đề nghị thu thập chứng cứ về các hóa đơn bán lẻ của Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo, Hợp đồng mua bán nhà ở số: PG3-17/VLG/HDMBNO ngày 20/7/2017 được ký giữa bà Nguyễn Thị Thùy G với Công ty cổ phần Vincom Retall, thu thập tại Công ty cổ phần Vincom Retall; thu thập thông tin đến khoản vay của bà Nguyễn Thị Thùy G tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) chi nhánh Vĩnh Long, căn cứ theo Hợp đồng cho vay số: LN1708250169406/VLG/HDTD ngày 16/9/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số: LN1708250169406/VLG/HDTC ngày 16/9/2017 tại VPbank chi nhánh Vĩnh Long, cụ thể: các đợt giải ngân tiền vay, mục đích các đợt giải ngân; bà G tất toán khoản vay vào thời gian nào; sao kê tài khoản cá nhân bà Nguyễn Thị Thùy G tại ngân hàng VPBank từ năm 2017 đến tháng 5/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy tất cả các hóa đơn bán lẻ của Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo thể hiện trong hồ sơ do chính chủ cửa hàng là bà Nguyễn Thị Thanh T1 thừa nhận chữ ký trên hóa đơn và xác định do Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo phát hành hóa đơn, nên có cơ sở xác định việc mua bán giữa nguyên đơn và Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo diễn ra thực tế, là có thật.

Đối với yêu cầu xác minh thu thập các Hợp đồng mua bán nhà ở, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp quyền tài sản nêu trên là không cần thiết. Bởi lẽ, nội dung yêu cầu của phía bị đơn không chứng minh được số tiền nguyên đơn đã nhận từ bị đơn phục vụ cho việc xây dựng nhà. Mặt khác, bị đơn không chứng minh được đã bỏ ra toàn bộ chi phí xây dựng căn nhà là 4.200.000.000 đồng.

[3] Phía bị đơn trình bày khi ông U ở Việt Nam, ông là người trực tiếp trả công thợ, vật tư,..; khi ông về Mỹ thì ông giao tiền cho bà T để thanh toán. Việc giao nhận tiền không làm biên nhận. Do ông là người chi trả toàn bộ số tiền xây dựng nên ông U không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu nhập, giao nộp chứng cứ cho Toà án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp"*; khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh của đương sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia tố tụng và khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Các quy định này cho thấy ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngày 02/11/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo số 24 yêu cầu ông U cung cấp tài liệu về việc chuyển cho bà T số tiền xây dựng nhà, nhưng hết thời hạn thông báo, ông U không giao nộp được chứng cứ chứng minh.

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, như phân tích tại mục [1.4], sau khi đối trừ, có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn U phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.064.500.000 (ba tỷ không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

[5] Đối với kháng cáo của bị đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm không ra quyết định trưng cầu giám định tuổi mực các hóa đơn của Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo:

[5.1] Xét phía bị đơn thừa nhận quá trình xây dựng nhà, nguyên đơn đã chi trả số tiền mua vật liệu, nhân công khoảng 4.200.000.000 đồng khi ông không có mặt tại Việt Nam. Căn cứ vào lời khai của chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Thái Bảo, bà T là người trực tiếp thanh toán các khoản tiền mua vật liệu xây dựng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm từ chối yêu cầu giám định của phía bị đơn là có căn cứ.

[5.2] Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020 thì: *"Người yêu cầu*

giám định có quyền gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu trưng cầu giám định, phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản…". Theo tài liệu hồ sơ vụ án không thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo bằng văn bản cho phía bị đơn việc không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định. Đây là thiếu sót về thủ tục tố tụng, không phải vi phạm nghiêm trọng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm. Mặc dù vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[6] Xét Tờ cam kết ngày 03/3/2019:

Tại Tờ cam kết ngày 03/3/2019 (bút lục 219), bà T xác nhận ông U và ông Hứa Quốc P đã trả lại cho bà số tiền 37.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản tiền ông P mượn và tiền ông U bán máy cưa; không liên quan đến việc bà T đã thanh toán vật liệu xây dựng, công thợ để xây dựng căn nhà của ông U tại số 79A (nay là số 95B), ấp A3, xã A4, huyện A, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, phía bị đơn căn cứ vào việc bà T xác định không còn tranh chấp với ông Nguyễn Văn U để đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn U, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

[8.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi ông Nguyễn Văn U trả cho bà số tiền 3.355.291.000 đồng (ba tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng). Do Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận môt phần kháng cáo của bị đơn, buộc ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị T số tiền 3.064.500.000 (ba tỷ không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm) đồng, nên bà T phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 5% (3.355.291.000 đồng - 3.064.500.000 đồng) = 14.539.550 đồng.

[8.2] Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1957 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 29/QĐ-VKS-DS ngày 24/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn U.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 6, Điều 26, Điều 37, Điều 38, khoản 5 Điều 70, khoản 2 Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 270, Điều 293 và Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 163 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị T số tiền 3.064.500.000 (ba tỷ không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Nguyễn Văn U.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.539.550 (mười bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 49.380.000 (bốn mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long theo Biên lai thu số 0000247 ngày 07/10/2022, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 34.840.450 (ba mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi) đồng.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn **Trần Thị Thúy Hồng** **Trần Thị Hòa Hiệp**